

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 26.6.2020

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trần Thị Yến Trinh**

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Huỳnh Kim Sơn**

2. Ông **Nguyễn Văn Hải**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện C.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:** Bà **Phan Thị Thơ** – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2020/TLST – HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị L**, sinh năm: 1973

Địa chỉ: Ấp Xa Xi, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh

*- Bị đơn:* Ông **Nguyễn Tấn K**, sinh năm 1966

Địa chỉ: Ấp 7, xã P, huyện C, tỉnh Long An

(Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 04/5/2020 và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn bà **Trần Thị L** trình bày như sau: Bà và ông **K** cưới nhau vào năm 2001, hôn nhân do mai mối, có đăng ký kết hôn ngày 24/8/2001 tại Ủy ban nhân dân phường 4, quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi cưới cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc do ông **K** không chăm lo làm ăn, thường xuyên ăn chơi cờ bạc và rượu chè nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Bà có khuyên ngăn nhiều lần nhưng ông **K** vẫn không thay đổi nên từ ngày 15/6/2002 bà bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng ly thân cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông **K**.

Về con chung: Có 01 con chung tên **Nguyễn Thị Thu P**, sinh ngày 25/4/2002 đã trưởng thành.

Về chia tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có

Bị đơn ông Nguyễn Tấn K trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 16/6/2020 của Tòa án như sau: Ông và bà L cưới nhau năm 2001, hôn nhân do mai mối, có đăng ký kết hôn vào ngày 24/08/2001 tại Ủy ban nhân dân phường 4, quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Mặc dù đã nhiều lần cố gắng giải quyết mâu thuẫn để tiếp tục chung sống nhưng không có kết quả nên từ tháng 06/2002 vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Nay bà L yêu cầu ly hôn với ông thì ông cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thu P, sinh ngày 25/4/2002, đã trưởng thành.

Về chia tài sản: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu quan điểm:

\* Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Trần Thị L đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng đồng thời chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Bị đơn ông Nguyễn Tấn K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông K là đúng theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

\* Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị L đối với ông Nguyễn Tấn K.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thu P, sinh ngày 25/4/2002, đã trưởng thành

- Về chia tài sản và nợ chung: Không có nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho ông Nguyễn Tấn K nhưng ông K có đơn xin Tòa án xét xử vụ án vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông K.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Trần Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Tấn K là quan hệ pháp luật “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2.2] Bà L và ông K cưới nhau có đăng ký kết hôn ngày 24/8/2001 tại Ủy ban nhân dân phường 4, quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa bà L yêu cầu được ly hôn với ông K vì mâu thuẫn vợ chồng đã không thể giải quyết và vợ chồng ly thân đã lâu tình cảm cũng không còn nên không thể quay về tiếp tục chung sống hạnh phúc.

[2.3] Xét thấy ông K cũng đồng ý ly hôn với bà L vì trong thời gian ly thân vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng vẫn không thể quay về tiếp tục chung sống nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho bà L ly hôn với ông K.

[2.4] Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thu P, sinh ngày 25/4/2002 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về tài sản chung và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không đề cập.

Như vậy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C là có cơ sở.

[3] Về án phí: Bà Trần Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;  
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Tấn K.

2. Về án phí: Bà Trần Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0008410 ngày 18/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, bà L đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và

9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- UBND phường 4, quận 8, TP.HCM
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**TRẦN THỊ YẾN TRINH**

**Thành Viên  
Hội Đồng Xét Xử**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Yến Trinh**





















